

QUYẾT ĐỊNH

**về việc công nhận kết quả kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức
khối Đảng, Mặt trận và các đoàn thể năm 2019**

-
- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức;
 - Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
 - Căn cứ Kế hoạch 126-KH/TU, ngày 16/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng công chức, viên chức vào các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh năm 2019;
 - Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận và các đoàn thể,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 Phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức, viên chức khối Đảng, Mặt trận và các đoàn thể năm gồm **29** người. *(Có danh sách kèm theo)*

Điều 2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm ban hành quyết định, thông báo tuyển dụng công chức, viên chức theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, thủ trưởng các cơ quan khối Đảng, Mặt trận, các đoàn thể và các anh (chị) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Như sau*

Nơi nhận:

- Như Điều 4,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Lê Trường Lưu



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 01 năm 2020

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
KHOẢNG ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NĂM 2019

TT	Họ và tên	Số báo danh	Năm sinh	Vị trí tuyển dụng	KẾT QUẢ THI			Ghi chú
					NVCN	Điểm cộng	Tổng điểm	
1	Nguyễn Thị Ánh Trang	04	03/02/1992	Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy	56,0		56,0	
2	Lê Thị Phương Uyên	06	01/05/1997	Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy	51,0		53,5	Phúc khảo
3	Nguyễn Thị Thanh	010	07/04/1990	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Phong Điền	57,0		57,0	
4	Nguyễn Tâm	018	15/12/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Quảng Điền	58,0		58,0	
5	Nguyễn Thị Thái Hòa	015	10/01/1994	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Quảng Điền	55,0		55,0	
6	Lê Anh Trung	019	03/03/1993	Chuyên viên Văn phòng Thị ủy Hương Trà	59,0		59,0	
7	Hồ Thị Ngọc Linh	021	02/09/1991	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy	54,0		54,0	

8	Lữ Uyên Phương	024	06/11/1989	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy	56,0		56,0	
9	Nguyễn Thị Ngên	028	10/09/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy A Lưới	52,0	5,0	57,0	Con thương binh, người dân tộc thiểu số
10	Dương Thị Thanh Thủy	031	24/01/1994	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	68,0		68,0	
11	Nguyễn Thị Phước Linh	033	02/02/1996	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	66,0		66,0	
12	Võ Thị Thùy Trang	036	24/01/1995	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Thị ủy Hương Thủy	52,0		52,0	
13	Trần Thị Phi	038	13/05/1990	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Phú Lộc	67,0		67,0	
14	Nguyễn Thị Thùy Hương	042	02/02/1990	Chuyên viên Ban Tổ chức Thành ủy	70,0		70,0	
15	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	046	08/01/1996	CV Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Lộc	54,0		54,0	
16	Hồ Thủy Tiên	049	01/02/1992	Chuyên viên CQ Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	71,0		71,0	
17	Nguyễn Lê Quỳnh Như	062	13/03/1997	Chuyên viên UBMTTQVN Thành phố Huế	50,0		50,0	
18	Lê Thị Thu Ni	063	22/11/1993	Chuyên viên UBMTTQVN Thành phố Huế	51,0		51,0	
19	Đỗ Trọng Thiên Sơn	068	11/06/1994	Chuyên viên UBMTTQ VN tỉnh	51,0		51,0	
20	Hoàng Lê Nhật Thảo	073	25/02/1995	Chuyên viên UBMTTQ VN tỉnh	51,0		51,0	



21	Hồ Thị Khánh Vân	089	13/07/1995	Chuyên viên Tỉnh đoàn	76,0		76,0	
22	Nguyễn Hồng Sơn	093	16/07/1996	Chuyên viên cơ quan Thị Đoàn Hương Trà	68,5		68,5	
23	Nguyễn Nhật Nam	096	02/08/1996	Chuyên viên Thành Đoàn	51,5		51,5	
24	Huỳnh Ngọc Niên	097	12/07/1996	Chuyên viên Thành Đoàn	60,0		60,0	
25	La Thị Thu Thảo	099	27/01/1995	Chuyên viên Thành Đoàn	50,0		50,0	
26	Lê Phương Hạnh Nhi	0103	13/05/1995	Biên dịch viên Báo Thừa Thiên Huế	66,0		66,0	
27	Lê Hữu Phúc	0107	02/10/1992	Phóng viên Báo Thừa Thiên Huế	66,5		66,5	
28	Đỗ Hoàng Phước Ly	0108	31/05/1992	Phóng viên Báo Thừa Thiên Huế	50,0		50,0	
29	Hoàng Minh Nguyên	0113	03/08/1995	Phóng viên Báo Thừa Thiên Huế	51,0		51,0	

